

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Án số: 14/2018/HSST

Ngày: 27 - 02 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Bá Đặng
- Bà Phạm Hồng Thiêm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2018/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/HSST-QĐ ngày 13 tháng 02 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn Ch;** sinh ngày 18/12/1995.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn A, xã Th, huyện T, tỉnh Thái Bình

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1969 (đã chết); mẹ đẻ: bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1968, hiện sinh sống lao động tự do tại thôn A, xã Th, huyện T, tỉnh Thái Bình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: không.

Tiền sự: 01, ngày 01/12/2016 Công an huyện Thái Thụy ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 216 bằng hình thức phạt tiền về hành vi gây thương tích. Ch đã nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2017 đến ngày 19/12/2017 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy. Bị cáo có mặt.

*** Người bị hại:** Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1948 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Th, huyện T, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết từ trước nên khoảng 09 giờ ngày 12/11/2017, Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1995, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn A, xã Th, huyện T, tỉnh Thái Bình đến nhà bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948 ở thôn H, xã Th, huyện T, tỉnh Thái Bình chơi. Đến nơi, không thấy bà T ở nhà, cổng và cửa nhà bà T khóa, nên Ch nảy sinh ý định vào nhà bà T trộm cắp tài sản. Ch trèo qua mái cổng nhà ông Phạm Văn L (hộ liền kề phía bên trái nhà bà T) để bước lên tường bao nhà bà T, qua mái bể để lên cầu thang ngoài rồi đi xuống hiên nhà bà T. Quan sát thấy nhà bà T có 02 cửa có các ô bằng kính, 01 cửa khóa ngoài, 01 cửa cài chốt then bên trong, Ch nhặt 1/2 viên gạch đỏ ở chân cầu thang đập vỡ ô kính của cánh cửa bên phải của cửa gần cầu thang, luồn tay phải vào rút then bên trong, mở cửa để đi vào trong nhà. Ch vào phòng khách không tìm thấy tài sản gì nên Ch đi vào phòng ngủ nhà bà T, lật đệm phòng ngủ thấy ở đầu giường có một tập tiền để trong tờ giấy màu đỏ, Ch cầm tiền lên đếm thấy có 4.200.000 đồng, Ch bỏ số tiền trên vào túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi đi ra ngoài theo lối cũ, số tiền trộm cắp Ch đã tiêu sài cá nhân hết.

Đến ngày 16/12/2017, Ch đến Công an huyện Thái Thụy để đầu thú và khai nhận toàn bộ về hành vi trộm cắp tiền của bà T.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 06/KSĐT ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo Nguyễn Văn Ch về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Văn Ch về tội “Trộm cắp tài sản”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điều 45; Điều 33, điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 04 tháng đến dưới 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 16/12/2017; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và không có ý kiến, tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố, phù hợp với Đơn trình báo, lời khai của người bị hại là bà T; Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường, do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy lập ngày 13/11/2017 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn lợi dụng quen biết người bị hại, thấy người bị hại vắng nhà và sơ hở nên nảy sinh ý định để chiếm đoạt số tiền 4.200.000đồng.

[5] Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

“Điều 138. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

[6] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

[7] Bị cáo có 01 tiền sự về hành vi đánh nhau tuy nhiên quá trình tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã ra đầu thú về hành vi phạm tội. tài sản đã trả lại ngay cho người bị hại, thuộc trường hợp gây thiệt hại không lớn, người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,g,p khoản 1; khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng điều 47

của Bộ luật hình sự 1999 xử dưới khung hình phạt để bị cáo được hưởng sự khoan hồng pháp luật.

[8] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[9] Do bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Ngày 19/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy đã lập biên bản về việc truy tìm một nửa viên gạch bị cáo dùng để đập vỡ cửa kính nhà bà T tại gia đình bà T nhưng không thấy nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Bà T đã nhận đủ 4.200.000 đồng và không yêu cầu bị cáo bồi thường về sửa cửa kính nên không đặt ra giải quyết.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b,g,p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 45; Điều 33, điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Ch phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ 16/12/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Ch.

3. Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Ch phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/02/2018. Người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Công an huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu bộ phận HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hằng